

Bản án số: 239/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-8-2022
Về việc tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Bình An

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Lin;

Ông Nguyễn Thanh Hoàng.

Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Như Ý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 560/2022/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 289/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: tổ 4, thôn 5, xã H, huyện H, tỉnh B

2. *Bị đơn:* ông Ngô Văn K, sinh năm 1975

Địa chỉ: ấp R, xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

(bà T và ông K có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/6/2022 và những lời khai tiếp theo của bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:

Bà và ông Ngô Văn K chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên bà và ông K ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Ngô Văn K.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa có thông báo cho ông Ngô Văn K biết về yêu cầu khởi kiện của bà T nhưng ông K không có ý kiến phản hồi, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, ông K cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tuy nhiên, ông K có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn*” quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Ngô Văn K có hộ khẩu thường trú tại xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết:

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với ông Ngô Văn K nên bà T được xác định là nguyên đơn, ông K là bị đơn. Vụ án hôn nhân gia đình không xác định thời hiệu. Tòa án chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.3]. Về xét xử vắng mặt: bà Nguyễn Thị T và ông Ngô Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông K.

[1.4]. Về chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng:

Bà Nguyễn Thị T có cung cấp cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 71/2017 ngày 27/6/2017 được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên hôn nhân giữa bà T và ông K là hôn nhân hợp pháp theo quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Pháp luật được áp dụng giải quyết là Bộ luật tố tụng dân sự, Luật hôn nhân gia đình và các văn bản khác hướng dẫn về giải quyết vụ án hôn nhân gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1.] Về tình trạng hôn nhân: xét hôn nhân giữa bà T và ông K trên cơ sở tự nguyện, bà T xác định cuộc sống hôn nhân có hạnh phúc nhưng từ năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà và ông K đã ly thân nhau từ năm 2019 cho đến nay nên bà T xin được ly hôn với ông K. Đối với ông K, ông không có ý kiến phản hồi về việc bà T xin ly hôn với ông, tại thời điểm bà T xin ly hôn với ông K thì giữa ông và bà T vẫn còn ly thân với nhau, điều này chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông K.

[2.2.] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: bà T xác định không có. Đối với ông K thì ông không có ý kiến phản hồi về việc con chung giữa ông và bà T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3.] Về tài sản chung và nợ chung: bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Trường hợp sau này các bên có tranh chấp về con chung, mức cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về “*Tranh chấp ly hôn*” đối với ông Ngô Văn K.

Về hôn nhân: Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Ngô Văn K.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: bà T xác định không có.

Về tài sản chung: bà T xác định không có.

Về nợ chung: bà T xác định không có.

2. Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006795 ngày 08/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành. Bà T không phải nộp tiếp.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đức Hòa;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đỗ Bình An